

## **PHỤ CHÍNH ĐẠI THẦN LÊ TRINH, DANH NHÂN LỊCH SỬ MỚI ĐƯỢC PHÁT HIỆN**

**LÊ NGÂN\***

**P**hó bảg Lê Trinh đảm nhận Phụ chính đại thần, Thượng thư Bộ Lễ dưới hai triều vua Thành Thái, Duy Tân. Cũng từ đó cho đến cuối thế kỷ XX, thân thế, sự nghiệp của ông không mấy người biết, kể cả số người trong dòng tộc. Nhưng trong vài năm gần đây, thân thế, sự nghiệp của Phụ chính đại thần, Phó bảg Lê Trinh được giới sử học trong và ngoài nước chú ý nghiên cứu. Bài viết này nhằm góp phần làm sáng rõ hơn về danh nhân lịch sử mới được phát hiện này.

Lê Trinh sinh năm 1850 thuộc tộc họ "Lê Cảnh" (1) ở Bích La Đông (nay thuộc xã Triệu Đông, huyện Triệu Phong, Quảng Trị) xuất thân trong một gia đình đại quan, thông minh, học giỏi từ nhỏ. Năm 20 tuổi thi Hương đỗ Giải nguyên, năm 25 tuổi thi Hội đỗ Phó bảg và ra làm quan từ năm 1875 dưới triều Tự Đức, qua đời năm 1909 dưới triều vua Duy Tân. Từ ngày ông qua đời cho đến cuối thế kỷ XX, trải qua hơn 90 năm không mấy ai liết về thân thế, sự nghiệp của phó bảg Lê Trinh. Cho đến những năm đầu thế kỷ XXI nhờ sự nỗ lực tìm kiếm của một số cháu nội của ông, đã phát hiện một số tư liệu lịch sử quan trọng giúp hé lộ thân thế, sự nghiệp của ông từng bị lớp bụi thời gian che phủ. Số tư liệu lịch sử mới được tìm thấy có:

- 4 bản chép văn bản của triều đình gồm: 1 bài "Chê" của nhà vua chuẩn thăng thực thụ Vinh Lộc Đại phu, Hiệp biện Đại học sĩ cho Phụ chính đại thần Thượng thư Lê Trinh, một bài "Dụ", một bài "Chê" của nhà vua đánh giá công lao của cố Thượng thư Lê Trung và truy phong cho ông tước "Vệ nghĩa tử" cùng một bài "Tế" của nhà vua trong lễ tang của vị đại thần quá cố. Tất cả các văn bản trên đều chép bằng chữ Hán, có niên đại Duy Tân năm thứ 3 (1909).

- Một tập di cáo thơ, câu đối chữ Hán của Phó bảg Lê Trinh sáng tác và tự ghi chép với bút hiệu Bích Phong.

- Một bản trích yếu lý lịch có ghi thời gian và các chức vụ Phó bảg Lê Trinh đã đảm nhận qua các triều vua từ Tự Đức đến Duy Tân do Nam triều làm sau ngày ông qua đời (12-9-1909).

Kể từ ngày Phó bảg Lê Trinh qua đời đến cuối thế kỷ XX, các tài liệu trên vẫn chưa một lần được khai thác trong hồ sơ tài liệu lưu trữ của dòng họ. Đầu thế kỷ XXI, các tài liệu quý hiếm đó mới được tìm thấy. Qua biên dịch và khảo cứu các tài liệu trên đã có cơ sở khách quan khoa học phục dựng thân thế và sự nghiệp người đã quá cố từ đầu thế kỷ trước. Phó bảg Lê Trinh làm quan trong một giai đoạn lịch sử đất nước, triều đình có nhiều biến động phức tạp. Ông đã phục vụ qua 5 triều vua với tinh thần mẫn

---

\* Hà Nội

cán, gương mẫu, liêm khiết, đã trải qua công tác ở hầu khắp các bộ: Biện lý Bộ Hộ, Bộ Lại, Tham tri Bộ Hình, Bộ Binh; Tham biện Viện cơ mật, Chuông án Viện Đô sát, năm 1882 sung phái đoàn đi sứ nhà Thanh. Qua thủ tài sứ thần nước Việt, vua Thanh rất khâm phục ban cho ông mũ áo tiến sĩ. Trong lĩnh vực giáo dục ông từng được cử làm chánh, phó chủ khảo một số trường thi ở các tỉnh, làm giáo đạo các ông hoàng (trong số các ông hoàng thụ giáo có hoàng tử Bửu Lân con vua Dục Đức sau này là vua Thành Thái). Năm Thành Thái thứ 10 (1898) đang lúc làm Tổng đốc An Hà (Nghệ An-Hà Tĩnh) được tin mẹ ốm nặng, ông xin từ quan về quê phụng dưỡng mẹ già. Sau ngày mẹ qua đời vừa mãn cư tang, năm Thành Thái thứ 15 (1903), ông được triệu về Kinh nhận chức *Phụ chính đại thần, Lễ bộ Thượng thư sung Cơ mật viện đại thần*. Trên cương vị đại thần trụ cột của triều đình, ông đã có những đóng góp có ý nghĩa lịch sử cho quê hương, đất nước.

#### 1. Người có ý kiến quyết định để chọn Duy Tân lên ngôi kế vị vua Thành Thái

Năm 1907, người Pháp viện cớ vua Thành Thái bị "điên" đã phế truất ngôi vua và giam lỏng nhà vua. Một hội đồng phụ chính được thành lập để tạm điều hành công việc thay vua. Hội đồng do đại thần Trương Như Cương đứng đầu, Phụ chính đại thần Lê Trinh là một trong số thành viên. Việc chọn người kế vị Thành Thái rất căng thẳng vì giữa Tòa khâm sứ Pháp và Hội đồng phụ chính Nam triều không thống nhất ý kiến: phía Pháp chọn người thì Nam triều bác, người Nam triều chọn thì phía Pháp bác. Cuối cùng Phụ chính đại thần Lê Trinh đề xuất ý kiến: "chọn một người con còn nhỏ của vua Thành Thái (không quá 10 tuổi và không dưới 5 tuổi) để kế vị và duy trì một Phủ phụ chính để giúp ấu vương cai trị đất nước". Ý kiến trên đã

đảm bảo truyền thống "cha truyền con nối" nên đã được Nam triều nhất trí và Pháp cũng không phản đối vì cho rằng "một đứa bé làm vua cũng chẳng có gì đáng lo ngại". Từ đó hoàng tử Vinh San con trai thứ 5 của Thành Thái được chọn kế vị ngôi vua. Lễ đăng quang cử hành ngày 5-9-1907, niên hiệu Duy Tân. Phủ Phụ chính được thành lập để giúp ấu vương nhiếp chính gồm có: Thượng thư (TT) Cai Quân Dục (Bộ Học), TT Lê Trinh (Bộ Lễ), TT Tôn Thất Hân (Bộ Hình), TT Nguyễn Hữu Bài (Bộ Lại), TT Huỳnh Côn (Bộ Hộ) và Hoàn thân Miên Lịch (Phụ chính Thân thần). Ngay những năm đầu lên ngôi, vua Duy Tân đã tỏ ra rất yêu mến, tin cậy đại thần Lê Trinh. Trong bài "Chế" thăng hàm cho Lê Trinh năm Duy Tân thứ 3 (1909) có đoạn: "*Yêu mến nghĩ đến ông họ Lê chức Phụ chính đại thần Lễ bộ thượng thư: xuất thân khoa bảng, rường cột nước nhà... thanh liêm ngay thẳng, nhân tài xưa sánh Di Quý; cần mẫn rõ ràng, tướng nghiệp như Bính Ngụy. Vua cha gặp lúc nhọc nhằn, bèn trao tông miếu con nhỏ đang khi thơ ấu, phải nhận ngôi trời. Cậy một lời mà định kế, hợp hai nước mà suy tôn... Trăm lúc tuổi thơ, kính đương ngôi báu. Tháo gỡ khó khăn, đã có công lao phò tá ân cần dạy dỗ, lại còn giúp đỡ học hành. Đã mến yêu nhiều, nên ban hàm lớn. Nay chuẩn thăng cho ông được thực thụ Vinh Lộc đại phu, Hiệp biện đại học sĩ, lãnh chức như cũ..."* (2). Khi được tin Lê Trinh đột ngột qua đời ngày 12-9-1909, nhà vua rất thương tiếc đã ban bài "Dụ", bài "Chế" về việc truy phong cho Lê Trinh tước "Vệ Nghĩa tử". Nhà vua còn sai làm bài "Tế" đọc trong lễ tang có đoạn:

"Khanh sinh ở thế, tài giỏi tốt vời

Năm triều để tiếng, khuông mẫu cho đời

Trăm là con nhỏ, hiểu biết nông khơi

Nhờ Khanh chỉ bảo dạy đạo làm người..." (3).

*2. Hai Phụ chính đại thần đầu triều: Lê Trinh và Cao Xuân Dục ra bản án cứu Phan Chu Trinh thoát tội chết*

Vào đầu thế kỷ XXI, bà Lê Thị Kinh (Phan Thị Minh) (cháu ngoại của cụ Phan Chu Trinh) đã công bố một tư liệu lịch sử do bà mới phát hiện có liên quan đến Phó bảng Lê Trinh. Đó là biên bản ghi lại cuộc họp của Khâm sứ Pháp và Phủ Phụ chính triều Duy Tân về việc buộc tội và xử án cụ Phan Chu Trinh. Ngày 31-3-1908, nhà yêu nước Phan Chu Trinh bị bắt ở Hà Nội, ngay sau đó, ngày 1-4, Pháp đưa ông về Huế giao cho Nam triều xử án "trảm quyết" (chém ngay) về tội "sách động dân chúng chống lại chính phủ bảo hộ" (phong trào chống sưu thuế ở Quảng Nam). Hai phụ chính đại thần Cao Xuân Dục và Lê Trinh vốn không lạ gì cụ Phan, một nhà khoa bảng có tài nhưng cũng có chí hướng khác thường. Năm 1901, sau khi thi đỗ Phó bảng, Phan Chu Trinh từng nhận một chức quan ở bộ Học dưới quyền TT Cao Xuân Dục sau được đề bạt làm Thừa biện Bộ Lễ dưới quyền TT Lê Trinh (1903), sau đó Phan tiên sinh từ quan đi hoạt động cách mạng. Sau khi tiếp nhận người tù đặc biệt, ngày 10-4-1908, Hội đồng Viện cơ mật xử cụ Phan mức án "trảm giam hậu, lưu tam thiên lý, ngộ xá bất nguyên" (giam rồi chém sau, lưu đầy 3 ngàn dặm, gặp kỳ ân xá cũng không được giảm án). Ngày 11-4, Tòa khâm sứ Pháp bác, bắt phải làm lại với mức án "trảm quyết". Ngay ngày hôm sau 12-4, hai Thượng thư đứng đầu Phủ Phụ chính là Cao Xuân Dục và Lê Trinh đã xử dụng quyền nhiếp chính thay vua ra quyết định "bảo lưu án trảm giam hậu", hai cụ Cao, Lê còn ra lệnh thi hành án ngay để Pháp không kịp trở tay can thiệp. Cụ Phan đã được đưa ra an trí ở Côn Đảo. Bản án đã cứu cụ Phan thoát tội chết, tạo cơ

hội để dư luận tiến bộ trong nước và cả ở chính quốc (Pháp) lên tiếng phản đối việc bắt giữ cụ Phan. Tháng 6-1910, thực dân Pháp buộc phải trả tự do cho cụ Phan. Tháng 4-1911, cụ Phan đã sang Pháp để tiếp tục hoạt động cứu nước, cứu dân. Đây cũng chính là thời kỳ hình thành mối quan hệ giữa cụ Phan với số người Việt Nam yêu nước hoạt động ở Pháp trong đó có Luật sư Phan Văn Trường và anh thanh niên Nguyễn Ái Quốc (sau này là Chủ tịch Hồ Chí Minh). Tháng 6-1925, cụ Phan về nước để tiếp tục sứ mệnh cứu nước, chưa kịp làm gì thì lâm bệnh và qua đời ngày 14-3-1926. Sự kiện trên cho thấy: "Thượng thư Lê Trinh đầu làm quan trong thế kẹt, vận nước nghìn cân treo sợi tóc, không ít vị quan chỉ là bù nhìn hoặc cam tâm làm tay sai cho thực dân Pháp, ông vẫn tìm cách lo nước, thương đời theo cách riêng của mình, trường hợp đó đã chứng tỏ phẩm chất, tiết tháo nhà Nho đáng quý, đáng trân trọng của ông" (4).

*3. Hai cụ Thượng thư Lê Trinh và Cao Xuân Dục đã cứu mang Phó bảng Nguyễn Sinh Huy cùng hai con lúc khó khăn*

Sau khi thi đỗ Phó bảng (1901), trong hoàn cảnh vợ (bà Hoàng Thị Loan) mất, con mới sinh (Nguyễn Sinh Xin) cũng chết, ông Nguyễn Sinh Huy (tức Nguyễn Sinh Sắc) đã mang 2 con và Nguyễn Sinh Khiêm và Nguyễn Sinh Cung (Côn) về quê nhà (Nghệ An). Năm 1905, ba cha con ông Huy lại trở lại Huế để cho các con theo Tây học trong hoàn cảnh không nơi nương tựa, giữa đô thành "gạo châu củi quế", đầy rẫy tay sai mật thám dò la người nghi vấn nhất là với số nhà Nho đỗ đại khoa mà không chịu ra làm quan! Biết được hoàn cảnh khó khăn của ông Phó bảng Nguyễn Sinh Huy, hai cụ TT Cao Xuân Dục và Lê Trinh đã ra tay cứu giúp tạo điều kiện cho ông Huy có chốn dung thân và 2 con nhỏ có điều kiện học hành. Phó bảng Nguyễn Sinh Huy vốn

không có chí làm quan nhưng trước lời khuyên thấu tình đạt lý của cụ Thượng thư Cao Xuân Dục, ông Huy nhận làm một chức quan nhỏ ở bộ Học dưới quyền Thượng thư Cao Xuân Dục. Tiếp đến ông được chuyển sang làm Thừa biện Bộ Lễ thay chỗ Phó bảng Phan Chu Trinh để trống, trở thành thuộc viên của Thượng thư Lê Trinh (1903). Hai cụ Thượng Cao, Lê còn bố trí cho ông Huy và 2 con ở một căn nhà ở dãy trại Đông Ba. Nguyễn Sinh Khiêm và Nguyễn Sinh Cung được đổi tên Nguyễn Tất Đạt, Nguyễn Tất Thành theo học trường Pháp - Việt Đông Ba sau vào học trường Quốc học. Việc hai cụ Thượng Cao, Lê giúp đỡ gia đình Phó bảng Nguyễn Sinh Huy lúc bấy giờ chỉ là việc làm tình nghĩa theo đạo lý nhà Nho không sách sử nào ghi chép và cũng sẽ bị quên lãng với thời gian nếu nó không được khơi dậy trong quá trình ông Nguyễn Đắc Xuân đi tìm dấu tích thời niên thiếu của Bác Hồ ở Huế. Trong những năm đầu sau ngày Huế được giải phóng (1975), Nguyễn Đắc Xuân đã tìm gặp cụ Lê Du, con trai và ông Lê Xuyên, cháu đích tôn của cụ Thượng thư Lê Trinh là số người hiếm hoi còn sống từng chứng kiến gia đình cụ Phó bảng Nguyễn Sinh Huy trong hai lần sống ở Huế cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX nhất là những năm ông Huy nhận công tác ở Bộ Lễ. Từ những thông tin do 2 nhân chứng này cung cấp, Nguyễn Đắc Xuân đã tìm được vị trí chính xác ngôi nhà vợ chồng ông Cử Sắc (Nguyễn Sinh Sắc) ở trọ lần đầu ở Huế (1895-1901) hiện nay là nhà số 112 Mai Thúc Loan, một di tích lịch sử của Thành phố Huế được công nhận là di sản quốc gia (5). Từ một việc làm đơn thuần về đạo lý, hai cụ Thượng Cao, Lê không hề biết rằng hai cụ đã tạo điều kiện về vật chất, tinh thần cho một mầm non sau này trở thành một vĩ

nhân của dân tộc Việt Nam và của cả nhân loại: Chủ tịch Hồ Chí Minh.

#### 4. Nhà thơ Bích Phong

Những lúc nhàn rỗi việc quan, để trải lòng, chia vui với bạn bè, người thân, hoặc đột xuất có thi hứng trước cảnh đẹp thiên nhiên... Thượng thư Lê Trinh thường làm thơ hoặc câu đối phần lớn bằng chữ Hán với bút hiệu Bích Phong và tự tay ông ghi chép vào một tập bản thảo. Tác giả không đặt tên cho tập thơ của mình là *Bích Phong thi tập*, không đưa in như các nhà thơ nổi tiếng đương thời ông có thơ thù ứng: Hồng Đài Nguyễn Phúc Hồng Vinh với *Đào Trang thi tập*, Bùi Ân Niên với *Tổn Am thi tập*, Nguyễn Thuật với *Hà Đình văn sao...* Tập di cao thơ và câu đối chữ Hán của Bích Phong (Lê Trinh) sau gần một thế kỷ được lưu giữ, đầu những năm 2000 đã được biên dịch và xuất bản dưới nhan đề *Bích Phong di thảo* (6) đã góp phần làm sáng tỏ thêm về tài năng, nhân cách Phó bảng Thượng thư Lê Trinh. Qua tác phẩm cho thấy *Bích Phong* không chỉ có tâm hồn thi nhân mà còn là nhà trí thức uyên bác, thông thạo cổ kim, hiểu biết sâu về nhiều lĩnh vực tự nhiên, xã hội (có cả về Phật giáo). Thơ của ông phần lớn thuộc loại thù ứng, nhưng không phải lối thù ứng nghi thức hời hợt, mà chan chứa một tình cảm bạn bè chân thật. Qua thơ của Bích Phong người đọc sẽ bắt gặp nhiều nhân vật nổi tiếng đương thời như: TT Cao Xuân Dục, Phụ đạo Bùi Ân Niên, TT Đào Tấn, Tế tửu Khiếu Năng Tĩnh, Hà đình Nguyễn Thuật, Đặng Thụy... nhiều nhà khoa bảng các tỉnh miền Trung, một số học giả Trung Quốc ông kết bạn khi đi sứ nhà Thanh... Điều đáng quý là tác giả tự nêu rõ chính kiến của mình là thiên về "lễ trị" để cải tạo xã hội không đồng tình với các phương pháp bạo lực song Lê Trinh vẫn giành tình cảm ái mộ nhiều nhà khoa

bảng đồng triều dâng cảm chống Pháp như: Hồ Sĩ Tào, Hồ Bá Ôn, Bùi Ân Niên, Nguyễn Thuật, Hoàng Hữu Xứng (nội tổ nhà văn Hoàng Phủ Ngọc Tường)... Qua thơ còn thấy tác giả là người yêu thiên nhiên, thích thú ẩn dật thanh nhàn, cũng là người sống khiêm tốn giản dị như trong bài thơ "Tự đề chân dung" (Tác giả chép trên bức ảnh chụp năm 1906):

(Trích) *Phiên âm*:

"Bất tài phùng thịnh thế, bị vị đáo xuân quan  
Cổ mạo hình lai dị, đan tâm chiếu xuất nan..."

*Dịch thơ*:

"Không tài đời thịnh trị, vị hảo chức cao dày  
Dáng cổ cang lộ diện, lòng son khó tỏ bày" (7).

Một số nhà nghiên cứu đọc "Bích Phong di thảo" đã nhận định tập thơ có giá trị về văn học, về lịch sử, về nhân văn. Nhà nghiên cứu Lương An từng xếp Bích Phong trong số "Thi nhân của thế kỷ XIX" (8).

Ngày 12-9-2009, tại Thành phố Đông Hà (Quảng Trị), nhân dịp kỷ niệm 100 năm ngày mất của cụ Lê Trinh, Hội Di sản Văn hóa tỉnh Quảng Trị đã phối hợp cùng gia tộc Cụ tổ chức cuộc Hội thảo "Về thân thế, sự nghiệp Phó bảng Thượng thư Lê Trinh", nhiều nhà nghiên cứu sử học có tên tuổi ở

Thừa Thiên Huế, Quảng Trị, Hà Nội đã đọc tham luận cung cấp bằng chứng có sức thuyết phục về những đóng góp sáng giá của đại thần Lê Trinh "*trong dòng chảy của phong trào yêu nước vào đầu thế kỷ XX*" (9). Trong bài "Kết luận Hội thảo", Tiến sĩ Nguyễn Bình, Phó Chủ tịch Hội Di sản Văn hóa tỉnh Quảng Trị đã đúc kết: "Với những phẩm chất trong sáng vào cao đẹp, cùng những cống hiến, đóng góp cho quê hương, dân tộc và lịch sử, có thể nói rằng cụ Phó bảng Lê Trinh là một nhân vật lịch sử đáng quý trọng và cần được tôn vinh của quê hương, đất nước". Trên thực tế từ sau cuộc Hội thảo đã có nhiều hình thức tôn vinh danh nhân lịch sử Lê Trinh: - tháng 5-2010, đài phát thanh, truyền hình tỉnh Quảng Trị đã xây dựng cuốn phim tài liệu về quê hương Phó bảng Thượng thư Lê Trinh và công chiếu rộng rãi ở Quảng Trị; Tháng 7-2010, Đài Phát thanh Truyền hình tỉnh Thừa Thiên Huế cũng đã chiếu cuốn phim này. Ở Quảng Trị và cả Thành phố Huế đã đưa tên Lê Trinh vào quỹ đặt tên đường sắp mở thêm ở địa phương - một số sách, báo, thư viện điện tử nước ngoài đã đăng tiểu sử, bài viết về thân thế sự nghiệp Phó bảng Thượng thư Lê Trinh.

## CHÚ THÍCH

(1). Lê Cảnh là một trong 4 chi họ Lê ở Bích La (Lê Mậu, Lê Văn, Lê Bá, Lê Cảnh) đều cùng gốc thủy tổ là ông Chánh chương Trung tử triều Lê Chiêu Tông (1522) Lê Mậu Tài quê làng Mỹ Đức, Cẩm Xuyên, Hà Tĩnh cùng tùy tùng và lưu dân từ Bắc vào Quảng Trị lập làng Bích La, dưới triều Nguyễn ông được phong tước Doãn Lộc hầu.

(2), (3), (6), (7). Trích *Bích Phong di thảo* (Lê Ngân biên soạn, Lê Nguyễn Lưu biên dịch. Nxb. Thuận Hóa, Huế, 2006).

(4). Tham luận của Nguyễn Hoàn tại Hội thảo về Phó bảng Lê Trinh (12-9-2009).

(5). Nguyễn Đắc Xuân. *Đi tìm dấu thích thời niên thiếu của Bác Hồ ở Huế*, Nxb. Văn học. 2003.

(8). *Tuyển tập Lương An*. Nxb. Thuận Hóa, Huế, 2005.

(9). Trích dẫn tiêu đề bài tham luận của PGS.TS. Đỗ Bang tại cuộc hội thảo.